

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+RP1+RP3	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyen 5 rp1-rp3
2		P4+P11	7:25	22+0	0+0		20+1	0+0	
3		CLO+TD3	7:25	13+9	0+0		12+9	0+0	
4		P4+CLO+P1	9:25	5+10+6	0+0+0		3+2+9	0+0+0	chuyen 1 P4-P1, 3 clo-p1
5		HSD+AMD+TD3	9:25	4+12+6	0+0+0		3+11+9	0+0+0	
6		P5+VSP02	11:25	19+3	0+0		13+1	0+0	
7		TGTH1+AMD	11:25	3+15	0+0		2+7	0+0	
8		P6+P3+P9	11:25	5+14+2	0+0+0		0+14+0	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: P1 - RP1 - RP3	CREW: PHÚ - LHM - HƯC - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A.M	P1	78	1	8	20	98	KH-THAC	Russian
2	KISELEV IGOR	P1	72	1	5		95	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUANG THỌ	P1	68	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KIM CUONG	P1	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TRUNG CHINH	P1					63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HIẾU	P1	62	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ VINH	P1	67	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU DŨNG	P1	73	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	69-70	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÀI	P1	74	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P1	75	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ KIẾN TRUNG	P1	71	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	76	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN DU	P1	64	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ QUỐC VIỆT	P1	81	1	8		62	YTE	Vietnamese
16	PHẠM ANH SƠN	P1	61	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THẮNG	P1	58	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HOÀNG NHÂN	P1	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM SỸ HIỆP	P1	65	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ NAM CUONG	P1	63	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	77	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ HỒNG HAI	P1	59-60	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	23	134	1.588	20	17		CHUYEN 5 KHACH TU RP1 SANG RP3
2	RP1	0	0	0	0	0	0	5	
3	RP3	0	0	0	0	3	0		
TOTAL		22	23	134	1.588	23	17		
WEIGHT KG				134	1.588	23			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2023	TO: P4 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Linh - Duong - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ DUY TOÀN	P4	87	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	05	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LUÔNG HỮU HẬU	P4	92	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	P4	96	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	98-99	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TRUNG KIẾN	P4	08	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH TUÂN	P4	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	700	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG LONG	P4	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÂM	P4	01-02	2	15		80	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY THAI	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	03	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG	P4	94	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU VĂN ĐẠT	P4	91	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	90	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HOANG SANG	P4	93	1	13		90	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN KHOAI	P4	86	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAM VĂN QUANG	P4	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ANH THĂNG	P4	97	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ TÂN DŨNG	P4	06	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN NGỌC MINH	P4	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	23	153	1.585	0	20		
2	P11	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	153	1.585	0	21		
WEIGHT KG				153	1.585	0			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: CLO - TD3	CREW: HUNG - MMinh - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VLASOV ALEKSANDR	CLO	800	1	4		90	KHOAN	Russian
2	LE MANH THANG	CLO	94	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	95	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
4	VU THE-NANG	CLO	96	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TUONG LONG	CLO	91	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG KIM DUONG	CLO	99	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN LONG	CLO	01	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN LY	CLO	97	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG CUONG	CLO	93	1	7	15	75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM NAM HAI	CLO	98	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
11	LE THE CONG	CLO	87-88	2	20		73	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN THE NHU	CLO	92	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRUONG SON	CLO	89-90	2	11		64	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH VAN THANH	TD3	63	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU HUNG	TD3	62	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HO THIEN TAM	TD3	67-68	2	13	80	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TAN	TD3	59-60	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN QUYEN	TD3	61	1	10		63	YTE	Vietnamese
19	LUONG VAN LUONG	TD3	66	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH THANH TAM	TD3	58	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
21	TRUONG VAN QUANG	TD3	65	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN LOI	TD3	64	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

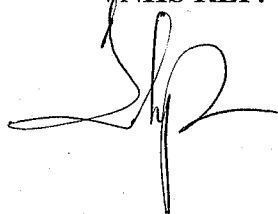
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	13	15	89	939	15	12		
2	TD3	9	11	72	661	80	9		
TOTAL		22	26	161	1.600	95	21		
WEIGHT KG				161	1.600	95			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: P4 - CLO - P1	CREW: Linh - Dương - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

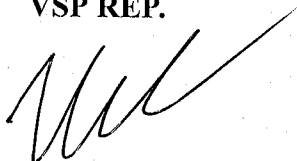
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG TRUNG	P4	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	11	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	09	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	12	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN TRONG	P4	10	1	5		110	PSV	Vietnamese
6	PHẠM THANH BÌNH	CLO	83	1	6		85	ANTOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	84-85	2	10		80	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ QUỐC	CLO	72-73	2	10		64	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUẬT	CLO	70-71	2	18		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC BAO	CLO	81-82	2	19	60	82	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH THĂNG	CLO	76	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HIỆU	CLO	79-80	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI DUY TÂN	CLO	74-75	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TUÂN	CLO	77-78	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN TRỌNG TUÂN	CLO	65	1	7		90	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	83	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	82	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG TUYẾN	P1	90	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUANG	P1	86-87	2	15		65	MERMAID	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THỨC	P1	88-89	2	18		65	MERMAID	Vietnamese
21	TRẦN QUANG PHÚ	P1	84-85	2	10		62	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	5	27	394	0	3+1		CHUYEN 1 PAX P4-P1
2	CLO	10	17	127	741	60	2+3		CHUYEN 3 PAX CLO-P1
3	P1	6	9	61	424	0	9		
TOTAL		21	31	215	1.559	60	14		
WEIGHT KG				215	1.559	60			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2023	TO: HSD - AMD - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - MMinh - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

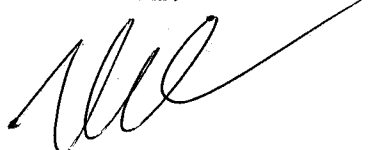
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH TÙNG	HSD	15	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT THẮNG	HSD	98	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN THANH MAI	HSD	14	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	AMD	60,76	2	17		81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẦN VĂN HOÀ	AMD	65-66	2	4		70	PSV	Vietnamese
6	PHẦN VĂN TRỌNG	AMD	59	1	6		56	PSV	Vietnamese
7	TRẦN QUANG THANH	AMD	67	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐOÀN DUÂN	AMD	68	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ANH QUỐC	AMD	71	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	72	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	77-78	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	75	1	5	83	68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NHƯ BẢO CHUÔNG	AMD	69-70	2	7		84	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN ĐỒNG	AMD	73	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ VĂN SAU	AMD	74	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	61	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD3	73-74	2	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THIÊN	TD3	79	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN AI	TD3	77	1	5		61	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG VIỆT HÙNG	TD3	78	1	5		76	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CÁN	TD3	76	1	10		67	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TOÀN	TD3	75	1	7		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

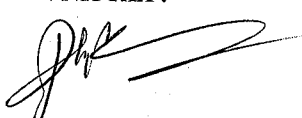
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	3	3	17	199	0	3		
2	AMD	13	17	86	901	83	10		
3	TD3	6	7	40	411	0	9		
TOTAL		22	27	143	1.511	83	22		
WEIGHT KG				143	1.511	83			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2023	TO: P5 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CHIÊN - ĐNam - Toan	ETA: 13:50
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN BAC	P5					79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN MACH	P5	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TRUNG HIEU	P5	71	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN TRUNG	P5	70	1	7		68	Y TE	Vietnamese
5	DAO VAN THANG	P5	97	1	5		56	PSV	Vietnamese
6	LE XUAN TINH	P5	98	1	6		73	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN DUY QUY	P5	99	1	6		65	PSV	Vietnamese
8	TRUONG THE VINH	P5	01	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THE HANH	P5	04	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH HAI	P5	02-03	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VAN LINH	P5	72-73	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN QUANG PHUC	P5	05	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG VINH	P5	69	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	DONG VAN THINH	P5	65	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DUC THANH	P5	68	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH TUAN	P5	66-67	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG BA VINH	P5	700	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG DINH TUAN	P5	06	1	15	15	72	CO DIEN	Vietnamese
19	NGUYEN THUA THAI	P5	07	1	9	40	63	CO DIEN	Vietnamese
20	TRAN NGOC TU	VSP02	63	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	VU QUOC VIET	VSP02	61	1	6	20	78	PSV	Vietnamese
22	LE THANH CHAU	VSP02	62	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

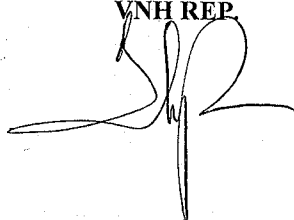
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	19	21	146	1.301	55	13		
2	VSP02	3	3	18	233	20	1		
TOTAL		22	24	164	1.534	75	14		
WEIGHT KG				164	1.534	75			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

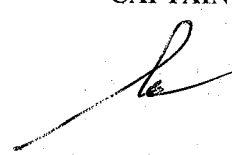
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: TGTH1 - AMD	CREW: NKhánh - TRƯỜNG	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	06	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN GIANG	TGTH1	09	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH1	07-08	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
4	THAN CANH THINH	AMD	93-94	2	15		75	TLJOC	Vietnamese
5	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	86-87	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ MẠNH HÀ	AMD	89-90	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	88	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN MẠNH	AMD	03-04	2	18		70	NAM LON	Vietnamese
9	MAI ĐÌNH CHIẾN	AMD	97-98	2	18		63	NAM LON	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THẢO	AMD	300	1	5		63	NAM LON	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	99	1	10		70	NAM LON	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN DŨNG	AMD	05	1	10		70	NAM LON	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TÚ	AMD	01-02	2	12		70	NAM LON	Vietnamese
14	LÊ TÂN LỢI	AMD	06	1	10		70	NAM LON	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HAI	AMD	96,07	2	9		67	NAM LON	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ HỒNG VŨ	AMD	91	1	5		62	TLJOC	Vietnamese
17	THAI BA HÙNG	AMD	92	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN KHÁNH	AMD	95	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

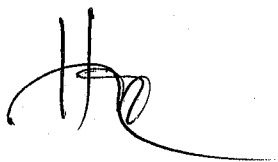
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	3	4	26	214	0	2		
2	AMD	15	22	159	1.017	0	9		
TOTAL		18	26	185	1.231	0	11		
WEIGHT KG				185	1.231	0			

GRAND TOAL: 1.416 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2023	TO: P6 - P3 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:55
VANG-3			

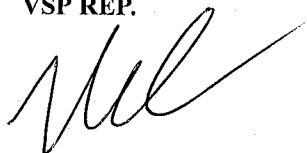
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG HUY	P6	44	1	8		105	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SANG	P6	45-46	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ MẠNH HÙNG	P6	47-48	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P6	49-51	3	18	28	82	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P3	53	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHI DÂN	P3	44	1	5		58	YTE	Vietnamese
7	LÊ QUANG HUY	P3	48	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH PHONG	P3	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN MINH HOÀI	P3	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THE DUONG	P3	54	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	49	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIỆN THANH	P3	52	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	43	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	55	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN VIỆT	P3	47	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	TRẦN HỮU THUƠNG	P3	46	1	7		80	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	P3	42	1	3		50	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TUÂN VIỆT	P3	51	1	3		75	DK9	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HOÀNG	P9	54	1	12	95	70	CODIEN	Vietnamese
20	DƯƠNG HỮU THUẬN	P9	52-53	2	14		65	CODIEN	Vietnamese
21	PHAN VĂN HỒNG	P9	51	1	6	20	67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

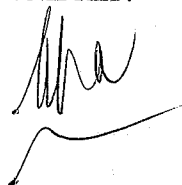
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	8	55	322	28	0		
2	P3	14	14	72	994	0	14		
3	P9	3	4	32	202	115	0		
TOTAL		21	26	159	1.518	143	14		
WEIGHT KG				159	1.518	143			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

